TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-ST
Ngày 17/4/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Dá.

Ông Nguyễn Thành Dân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Cao Mỹ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2018; về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-DS ngày 23/3/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 10, ấp R, xã VT, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kim Điền P, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, P L, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn*: Ông Võ Văn T, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã T Tn, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng*: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã VT, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01//2018, quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị B là ông Kim Điền P trình bày:

Ngày 08/10/2014 âm lịch (29/11/2014 dl), bà B có cho ông Võ Văn T vay số tiền 30.000.000 đồng, với lãi suất 3%/tháng cho mục đích tiêu dùng trong gia đình, thời hạn cho vay là khi nào cần thiết bà B sẽ lấy lại. Hai bên có lập biên nhận và đồng ý ký tên vào biên nhận nhưng sau khi vay, ông T chỉ đóng lãi 4.500.000 đồng thì ngưng đến thời điểm bà B có nhu cầu cần thu hồi tiền vay thì ông T không hoàn trả. Bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Văn T phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 30.000.000 đồng, tại Tòa phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền vay và không yêu cầu ông T phải chịu lãi suất cho vay.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn T trình bày ý kiến: Tôi có đến nhà bà B hỏi vay của bà B số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất là 3%/tháng, bà B có yêu cầu tôi viết biên nhận vay nhưng gia đình bà B ghi thay, tôi chỉ ký tên và bà B giao cho tôi 3.000.000 đồng trước, còn lại tôi thỏa thuận với bà B giao số tiền 27.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn Q. Sau đó, bà B có giao tiền cho ông Q không thì tôi không rõ và biên nhận được lập vào ngày nhận tiền nhưng tôi không nhớ chính xác về thời gian, sau khi vay tôi có giao cho bà B 4.500.000 đồng và cũng không nhớ ngày giao. Tôi đồng ý có nhận của bà B số tiền là 3.000.000 đồng và yêu cầu xem xét trừ khoản tiền 4.500.000 đồng đã giao cho bà B trước đó, hiện tôi đang gặp khó khăn, phải đi làm thuê không có khả năng trả một lần mà chỉ có khả năng trả mỗi tháng 200.000 đồng – 300.000 đồng.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đảm bảo đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tại tòa.

- Về nội dung: Qua trình bày của bị đơn và người làm chứng thấy nguyên đơn Nguyễn Thị B khởi kiện là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay là 30.000.000 đồng và chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Theo đơn khởi kiện nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B yêu cầu bị đơn Võ Văn T hoàn trả số tiền vay 30.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Võ Văn T có địa chỉ thường trú tại huyện T T theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

[2] *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn ông Võ Văn T phải thanh toán số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng.

[2.1] Nguyên đơn bà B cho rằng ngày 08/10/2014 al (29/11/2014 dl), ông T vay của bà số tiền 30.000.000đồng, lãi suất 3%/tháng và sau khi vay, ông T đóng lãi được 4.500.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Ông T trình bày có đến nhà bà B hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng, bà B yêu cầu viết biên nhận nhưng gia đình bà B ghi thay và ông có ký tên (bút lục 09), đồng thời nhận số tiền là 3.000.000 đồng, số tiền còn lại là 27.000.000 đồng thì ông thỏa thuận miệng với bà B là *"vài ngày sau, khi nào bà B có đủ tiền thì giao cho ông Nguyễn Văn Q"*, việc bà B có giao tiền cho ông Q hay không thì ông không rõ và từ khi vay đến nay, ông có giao cho bà B được 4.500.000 đồng nhưng không nhớ chính xác thời gian trả. Xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là biên nhận ngày 08/10/2014 âl có nội dung *"Tôi tên Nguyễn Thị B nay tôi dùm một số tiền là 30.000.000 đồng (ba chục triệu đồng chẳn) cho ông Võ Văn T cư ngụ tại ấp Q, xã T Tn"* biên nhận có chữ ký của người dùm Nguyễn Thị B, người nhận Võ Văn T. Xét thấy, lời trình bày của nguyên đơn về số tiền cho vay phù hợp biên nhận ngày 08/10/2014 âl và trên cơ sở lời thừa nhận của ông T thì việc vay tiền giữa các bên có xảy ra trên thực tế. Mặc dù, ông T nhận tiền vay từ bà B 3.000.000 đồng nhưng giữa hai bên có thỏa thuận miệng để bà B giao số tiền còn lại là 27.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn Q, theo lời trình bày của ông Q tại Tòa và biên bản xác minh ngày 05 tháng 3 năm 2018 thì ông Nguyễn Văn Q đều thừa nhận bà B có giao số tiền 27.000.000 đồng là tiền ông Võ Văn T trả khoản nợ của ông (bút lục 40). Như vậy, bà B cũng đã thực hiện thỏa thuận giữa bà với ông T là giao cho ông Q 27.000.000 đồng nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định ông T có vay của bà B số tiền 30.000.000 đồng bằng cách nhận trực tiếp 3.000.000 đồng và ông Q nhận 27.000.000 đồng là sự thật không phải chứng minh.

[2.2] Xét về lãi suất hai bên thống nhất mức lãi cho vay là 3%/tháng nên phản bác của bị đơn T về số tiền 4.500.000 đồng đã giao cho bà B không phải tiền lãi là không có cơ sở, bởi theo thừa nhận của bị đơn tại Tòa chứng minh được hợp đồng vay giữa các đương sự là vay có lãi và số tiền được giao cho bà B trong thời gian giao kết hợp đồng, bị đơn không trình bày được mục đích giao tiền cũng không đưa ra được chứng cứ khác để chứng minh số tiền 4.500.000 đồng giao cho bà B không phải để trả lãi. Đối với yêu cầu về bù trừ nghĩa vụ, thấy rằng nếu tính từ ngày vay 29/11/2014 (08/10/2014 âl) đến khi tranh chấp (28/12/2017) là 37 tháng với mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì số tiền lãi mà người vay phải chịu đã vượt quá số tiền 4.500.000 đồng nên yêu cầu đối trừ nghĩa vụ khoản tiền 4.500.000 đồng vào tiền vay là không có căn cứ.

Do bị đơn ông T không thực hiện việc nghĩa vụ trả tiền vay dù nguyên đơn bà B đã yêu cầu nhiều lần là vi phạm điều kiện thanh toán được quy định tại Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B, buộc bị đơn ông Võ Văn T phải trả cho nguyên đơn bà B số tiền 30.000.000 đồng. Các vấn đề khác không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn B được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí, bị đơn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 1.500.000 đồng (5% x 30.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, buộc bị đơn ông Võ Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009100 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn ông Võ Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Mai